TỔNG HỢP THÔNG TIN GIAO DỊCH
TRADING SUMMARY

Ngày:
Date: 27/10/2026

1. Chỉ số chứng khoán
(Indices)

Chỉ số Indices	Đóng cửa Closing value	Tăng/Giảm +/- Change	Thay đổi (%) % Change	GTGD (tỷ đồng) Trading value (bil.dongs)
VNINDEX	1,761.87	-1.68	-0.10	13,922.25
VN30	1,888.40	-1.13	-0.06	7,099.91
VNMIDCAP	1,853.57	-11.98	-0.64	5,761.13
VNSMALLCAP	1,244.87	-7.34	-0.59	884.97
VN100	1,791.65	-4.53	-0.25	12,861.04
VNALLSHARE	1,768.60	-4.85	-0.27	13,746.00
VNXALLSHARE	2,782.22	-7.24	-0.26	13,650.05
VNCOND	1,905.10	15.13	0.80	820.60
VNCONS	652.39	0.33	0.05	932.10
VNENE	806.48	-12.81	-1.56	399.03
VNFIN	2,098.52	-12.89	-0.61	6,432.60
VNHEAL	1,668.39	-0.57	-0.03	27.04
VNIND	826.75	-7.32	-0.88	2,140.79
VNIT	2,917.43	-28.68	-0.97	539.35
VNMAT	1,926.90	3.67	0.19	675.05
VNREAL	3,208.15	22.30	0.70	1,631.87
VNUTI	963.87	-10.11	-1.04	142.57
VNDIAMOND	2,168.12	-14.95	-0.68	4,324.89
VNFINLEAD	2,748.67	-14.27	-0.52	6,011.48
VNFINSELECT	2,825.63	-17.07	-0.60	6,304.04
VNMITECH	777.01	-5.59	-0.71	3,069.09
VN50 GROWTH	988.17	-1.71	-0.17	10,342.71
VNDIVIDEND	842.55	-5.87	-0.69	2,547.19
VNSHINE	792.63	-6.11	-0.76	3,560.38
VNSI	3,077.74	-9.14	-0.30	3,577.34
VNX50	3,133.17	-8.48	-0.27	10,035.38

2. Giao dịch toàn thị trường
(Trading total)

Nội dung Contents	KLGD (ck) Trading vol. (shares)	GTGD (tỷ đồng) Trading val. (bil. Dongs)
Khớp lệnh	527,444,183	10,309
Thỏa thuận	163,082,709	3,673
Tổng	**690,526,892**	**13,982**

Top 5 chứng khoán giao dịch trong ngày
(Top volatile stock up to date)

STT No.	Top 5 CP về KLGD Top trading vol.		Top 5 CP tăng giá Top gainer		Top 5 CP giảm giá Top loser	
	Mã CK Code	KLGD (cp) Trading vol. (shares)	Mã CK Code	%	Mã CK Code	%
1	SHB	32,766,147	COM	6.95%	SRC	-6.95%
2	SSB	32,137,578	L10	6.90%	HAS	-6.93%
3	VIX	31,077,310	PLP	6.76%	ASP	-6.82%
4	HCM	28,403,838	LDG	6.64%	KOS	-6.81%
5	HDB	25,416,546	VTB	6.61%	TMT	-6.81%

Giao dịch của NĐTNN
(Foreigner trading)

Nội dung Contents	Mua Buying	%	Bán Selling	%	Mua-Bán Buying-Selling

KLGD (ck) **Trading vol. (shares)**	46,090,035	6.67%	63,804,708	9.24%	-17,714,673
GTGD (tỷ đồng) **Trading val. (bil. Dongs)**	1,197	8.56%	1,638	11.71%	-441

Top 5 Chứng khoán giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài
(Top foreigner trading)

STT	Top 5 CP về KLGD NĐTNN Top trading vol.		Top 5 CP về GTGD NĐTNN		Top 5 CP về KLGD NĐTNN mua ròng	
1	ACB	14,936,500	TCB	371,079,141	TCB	5,844,600
2	TCB	11,034,880	ACB	314,712,800	VIB	2,377,741
3	VPB	4,699,134	FPT	218,096,545	SHB	1,367,900
4	MSB	4,278,300	VIC	167,890,001	HPG	1,187,067
5	VIB	4,016,859	VPB	109,079,600	NVL	1,127,520

3. Sự kiện doanh nghiệp

STT	Mã CK	Sự kiện
1	VDP	VDP niêm yết và giao dịch bổ sung 1.571.000 cp (chào bán cổ phiếu riêng lẻ) tại HOSE ngày 27/10/2026, ngày niêm yết có hiệu lực: 01/12/2023.
2	BAF	BAF giao dịch không hưởng quyền - thực hiện quyền mua theo tỷ lệ 9:1 (số lượng dự kiến: 40.536.100 cp), với giá 15.000 đ/cp, thời gian chuyển nhượng quyền mua từ 05/11/2026 đến 20/11/2026.
3	CSHB2622	CSHB2622 (chứng quyền SHB/ACBS/7M/121 ; Mã chứng khoán cơ sở: SHB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 27/10/2026 với số lượng 15.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 12.500 đồng/cq.
4	CFPT2637	CFPT2637 (chứng quyền FPT/PINETREE/4M/26-01 ; Mã chứng khoán cơ sở: FPT) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 27/10/2026 với số lượng 5.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 7:1, với giá: 75.200 đồng/cq.
5	CFPT2638	CFPT2638 (chứng quyền FPT/PINETREE/7M/26-02 ; Mã chứng khoán cơ sở: FPT) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 27/10/2026 với số lượng 5.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 7:1, với giá: 75.200 đồng/cq.
6	CHPG2643	CHPG2643 (chứng quyền HPG/PINETREE/4M/26-01 ; Mã chứng khoán cơ sở: HPG) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 27/10/2026 với số lượng 4.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 24.000 đồng/cq.
7	CHPG2644	CHPG2644 (chứng quyền HPG/PINETREE/10M/26-03 ; Mã chứng khoán cơ sở: HPG) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 27/10/2026 với số lượng 4.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 24.000 đồng/cq.
8	CMSN2632	CMSN2632 (chứng quyền MSN/PINETREE/5M/26-01 ; Mã chứng khoán cơ sở: MSN) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 27/10/2026 với số lượng 4.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 5:1, với giá: 85.000 đồng/cq.
9	CMSN2633	CMSN2633 (chứng quyền MSN/PINETREE/11M/26-03 ; Mã chứng khoán cơ sở: MSN) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 27/10/2026 với số lượng 4.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 5:1, với giá: 85.000 đồng/cq.
10	CVNM2625	CVNM2625 (chứng quyền VNM/PINETREE/7M/26-02 ; Mã chứng khoán cơ sở: VNM) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 27/10/2026 với số lượng 5.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1, với giá: 70.300 đồng/cq.
11	CVNM2626	CVNM2626 (chứng quyền VNM/PINETREE/10M/26-03 ; Mã chứng khoán cơ sở: VNM) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 27/10/2026 với số lượng 5.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 4:1, với giá: 70.300 đồng/cq.
12	CVPB2631	CVPB2631 (chứng quyền VPB/PINETREE/5M/26-01 ; Mã chứng khoán cơ sở: VPB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 27/10/2026 với số lượng 4.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 27.900 đồng/cq.
13	CVPB2632	CVPB2632 (chứng quyền VPB/PINETREE/8M/26-02 ; Mã chứng khoán cơ sở: VPB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 27/10/2026 với số lượng 4.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 2:1, với giá: 27.900 đồng/cq.